



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 8 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
(từ ngày 23/9/2022)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đào Anh Thắng
Ông Nguyễn Việt Phương

Trưởng Ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chữ Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 23-03-2023

2
: NC
NHIE
P
LIÊ



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23-03-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00154-23-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **23-03-2023**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1



Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.946.640.233.205	2.557.691.594.169
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	164.141.010.132	132.976.715.364
Tiền	111		124.088.407.392	132.976.715.364
Các khoản tương đương tiền	112		40.052.602.740	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		432.857.808.219	700.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	432.857.808.219	700.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		938.490.552.873	772.993.167.178
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	866.051.626.939	780.774.759.010
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	73.249.950.492	38.170.501.214
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	61.276.754.278	18.780.555.519
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(62.087.778.836)	(80.194.221.431)
Hàng tồn kho	140	10	1.365.841.984.676	946.172.372.471
Hàng tồn kho	141		1.369.554.120.717	949.618.731.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.712.136.041)	(3.446.359.120)
Tài sản ngắn hạn khác	150		45.308.877.305	5.549.339.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.446.361.138	5.128.289.932
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.448.774.160	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		413.742.007	421.049.224



Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.780.476.105.395	1.990.408.684.413
Tài sản cố định	220		1.324.966.964.370	1.369.979.099.015
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.324.966.964.370	1.369.979.099.015
Nguyên giá	222		2.810.670.809.484	2.714.083.194.536
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.485.703.845.114)	(1.344.104.095.521)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		2.501.022.223	2.501.022.223
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.173.973.393	32.881.860.391
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.173.973.393	32.881.860.391
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	315.272.188.600	465.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251		131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	150.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		138.062.979.032	122.275.536.407
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	138.062.979.032	122.275.536.407
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.727.116.338.600	4.548.100.278.582

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.129.542.537.289	2.049.647.494.613
Nợ ngắn hạn	310		2.129.542.537.289	2.032.926.897.090
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	235.400.714.256	232.898.460.035
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	30.421.439.866	75.700.465.109
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	16	27.502.552.251	61.151.218.653
Phải trả người lao động	314		58.900.186.915	64.105.637.449
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	60.755.178.177	98.801.972.765
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	60.924.718.404	109.330.985.919
Vay ngắn hạn	320	19(a)	1.649.879.077.138	1.389.623.502.334
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	5.758.670.282	1.314.654.826
Nợ dài hạn	330		-	16.720.597.523
Vay dài hạn	338	19(b)	-	16.720.597.523
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.597.573.801.311	2.498.452.783.969
Vốn chủ sở hữu	410	21	2.597.573.801.311	2.498.452.783.969
Vốn cổ phần	411	22	1.295.753.340.000	1.177.961.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.295.753.340.000	1.177.961.830.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	1.023.163.062.043	1.034.576.932.192
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		278.657.399.268	285.914.021.777
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.199.299.220	47.199.299.220
- LNST năm nay	421b		231.458.100.048	238.714.722.557
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.727.116.338.600	4.548.100.278.582

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chữ Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	5.256.518.490.276	4.478.735.277.381
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	130.024.611.332	171.360.337.823
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	5.126.493.878.944	4.307.374.939.558
Giá vốn hàng bán	11	27	3.996.856.401.088	3.400.178.830.499
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.129.637.477.856	907.196.109.059
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	219.750.798.893	183.416.292.057
Chi phí tài chính	22	29	132.393.083.058	71.226.691.511
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		76.016.547.399	37.809.926.367
Chi phí bán hàng	25	30	548.243.888.694	366.984.642.228
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	138.180.258.062	124.760.140.619
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		530.571.046.935	527.640.926.758
Thu nhập khác	31		3.632.522.782	12.962.095.342
Chi phí khác	32		1.917.950.530	19.186.304.171
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.714.572.252	(6.224.208.829)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		532.285.619.187	521.416.717.929
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	76.464.518.139	76.007.720.872
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		455.821.101.048	445.408.997.057

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Châu Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	532.285.619.187	521.416.717.929
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	149.072.966.500	143.460.768.660
Các khoản dự phòng	03	(1.340.971.740)	(27.666.431)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.125.133.983	929.513.027
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(209.302.284.619)	(184.995.537.554)
Chi phí lãi vay	06	76.016.547.399	37.809.926.367
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	552.857.010.710	518.593.721.998
Biến động các khoản phải thu	09	(219.555.616.764)	21.522.436.388
Biến động hàng tồn kho	10	(419.935.389.126)	(381.361.456.927)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(116.135.753.406)	239.173.107.501
Biến động chi phí trả trước	12	(18.239.582.928)	3.862.782.788
		(221.009.331.514)	401.790.591.748
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.739.805.326)	(37.273.392.196)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(87.654.476.481)	(61.820.483.072)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(40.096.884.250)	(53.960.077.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(421.500.497.571)	248.736.638.777
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(105.972.573.831)	(90.556.981.441)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	753.532.524	5.813.018.637
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(838.272.602.739)	(1.303.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	1.255.414.794.520	603.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	214.884.590.683	171.561.394.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	526.807.741.157	(613.182.568.363)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	4.403.659.862.197	3.236.002.041.577
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.165.510.272.066)	(2.638.173.307.749)
Tiền trả cổ tức	36	(312.159.184.000)	(294.490.457.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.009.593.869)	303.338.276.328
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	31.297.649.717	(61.107.653.258)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	132.976.715.364	194.084.404.609
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(133.354.949)	(35.987)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	164.141.010.132	132.976.715.364

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Châu Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 8 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1.262 nhân viên (1/1/2022: 1.257 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyên	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng trong vòng từ 27 đến 45 năm.

(ii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

T.T.N.
IAN
HÀ AN

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

TRÍ
VAM

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	723.402.875	269.134.613
Tiền gửi ngân hàng	123.365.004.517	132.707.580.751
Các khoản tương đương tiền	40.052.602.740	-
	<hr/>	<hr/>
	164.141.010.132	132.976.715.364

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		432.857.808.219		700.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	-	-	15.000	150.000.000.000 (*)

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 5,7% đến 10% (1/1/2022: từ 4,9% đến 5,4%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Các trái phiếu này hưởng lãi suất năm là 7%. Trong đó, 10.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và 5.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2027. Trong năm, Công ty đã bán trước hạn toàn bộ số trái phiếu này.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	31/12/2022		1/1/2022	
				Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (iii)	100,00%	100,00%	100,00%	120.000.000.000	-	(*)	120.000.000.000 (*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (iv)	100,00%	100,00%	100,00%	11.100.000.000	-	(*)	11.100.000.000 (*)
				<u>131.100.000.000</u>	<u>-</u>		<u>131.100.000.000</u>
Công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (v)	12.218.580	27,39%	27,39%	84.150.000.000	-	(*)	84.150.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (vi)	499.775	49,98%	49,98%	5.397.000.000	-	(*)	5.397.000.000 (*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (vii)	51,00%	51,00%	51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	23.798.883.000 (23.798.883.000) (*)
				<u>113.345.883.000</u>	<u>(23.798.883.000)</u>		<u>113.345.883.000 (23.798.883.000)</u>
Đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (viii)	4.632.086	13,50%	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	46.784.068.600 (*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	1,80%	41.400.000.000	-	(*)	41.400.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	5.148.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	1.128.120.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.500.000.000 (1.335.000.000) (*)
				<u>95.960.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>		<u>95.960.188.600 (1.335.000.000)</u>
				<u>340.406.071.600</u>	<u>(25.133.883.000)</u>		<u>340.406.071.600 (25.133.883.000)</u>



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (v) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (vi) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, mảng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (vii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phần ảnh hưởng đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	375.340.672.512	507.775.042.229
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	63.407.039.363	98.249.573.848
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.964.613.471	1.264.458.136
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (i)	15.228.000	12.562.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	235.916.348.895	97.208.674.112
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	73.246.697.591	68.276.461.099
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	65.474.372.304	-
IPEX PIPELINENZ L.T.D	18.888.932.956	4.068.926.248
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	16.935.150.960	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	11.642.880.145	-
Các khách hàng khác	3.219.690.742	3.919.061.338
	866.051.626.939	780.774.759.010

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 805.253 triệu VND (1/1/2022: 701.869 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	2.432.858.181	5.940.080.065
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	17.325.655.600	-
Công ty TNHH Eplas	10.282.845.424	-
Công ty TNHH CT-Wearnes Việt Nam	12.000.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Hoá nhựa Bông Sen	4.333.829.379	9.375.659.443
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Điện nước Anh Quân	-	4.181.100.000
Công ty Cổ phần Van Vina	1.832.624.420	3.256.193.160
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	3.841.482.876	2.964.483.848
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	3.195.238.962	2.356.640.000
Các nhà cung cấp khác	18.005.415.650	10.096.344.698
	73.249.950.492	38.170.501.214

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Phải thu Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con liên quan đến nguyên vật liệu cho vay	48.177.538.800	-
Bên khác		
Phải thu tiền lãi	6.698.108.881	10.833.561.647
Tạm ứng	4.319.845.817	5.300.636.207
Đặt cọc	1.489.000.000	2.378.000.000
Phải thu khác	592.260.780	268.357.665
	61.276.754.278	18.780.555.519

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022		1/1/2022					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 2 năm đến trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 1 năm đến trên 3 năm	1.264.458.136	(1.060.039.175)	204.418.961
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	63.407.039.363	(59.738.819.632)	3.668.219.731	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	98.249.573.848	(77.845.262.227)	20.404.311.621
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-
		65.755.998.567	(62.087.778.836)	3.668.219.731		100.802.952.013	(80.194.221.431)	20.608.730.582

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(62.087.778.836)

(80.194.221.431)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	76.011.196.033	-	70.112.842.476	-
Nguyên vật liệu	928.752.980.255	(3.712.136.041)	560.882.839.863	(3.446.359.120)
Công cụ và dụng cụ	10.096.957.539	-	9.038.098.070	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.304.521.409	-	59.868.617.771	-
Thành phẩm	296.388.465.481	-	249.716.333.411	-
	<hr/>		<hr/>	
	1.369.554.120.717	(3.712.136.041)	949.618.731.591	(3.446.359.120)
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.493.140.993.920	1.049.879.213.794	153.667.879.630	17.395.107.192	2.714.083.194.536
Tăng trong năm	-	40.332.697.502	3.695.687.727	280.600.000	44.308.985.229
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	43.910.328.350	10.883.655.526	1.732.967.166	-	56.526.951.042
Phân loại lại	(2.553.010.825)	-	2.553.010.825	-	-
Thanh lý	-	(4.153.115.323)	-	(95.206.000)	(4.248.321.323)
Số dư cuối năm	1.534.498.311.445	1.096.942.451.499	161.649.545.348	17.580.501.192	2.810.670.809.484
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	525.008.031.495	700.193.868.803	102.206.188.032	16.696.007.191	1.344.104.095.521
Khấu hao trong năm	74.619.959.582	58.806.208.917	11.701.766.693	281.469.036	145.409.404.228
Phân loại lại	(74.124.326)	-	74.124.326	-	-
Thanh lý	-	(3.714.448.635)	-	(95.206.000)	(3.809.654.635)
Số dư cuối năm	599.553.866.751	755.285.629.085	113.982.079.051	16.882.270.227	1.485.703.845.114
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	968.132.962.425	349.685.344.991	51.461.691.598	699.100.001	1.369.979.099.015
Số dư cuối năm	934.944.444.694	341.656.822.414	47.667.466.297	698.230.965	1.324.966.964.370

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 601.003 triệu VND (1/1/2022: 563.185 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 363.546 triệu VND (1/1/2022: 748.165 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	32.881.860.391	85.526.863.328
Tăng trong năm	36.110.276.353	80.804.745.419
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(56.526.951.042)	(133.380.209.879)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.529.493.175)	-
Khác	(1.761.719.134)	(69.538.477)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.173.973.393	32.881.860.391

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	2.173.973.393	23.850.632.324
Dự án số 2 An Đà	-	9.031.228.067
	<hr/>	<hr/>
	2.173.973.393	32.881.860.391

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	111.239.214.569	2.561.327.854	8.474.993.984	122.275.536.407
Tăng trong năm	-	1.219.126.013	20.980.213.670	22.199.339.683
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	8.529.493.175	8.529.493.175
Phân bổ trong năm	(3.663.562.272)	(2.530.935.640)	(8.746.892.321)	(14.941.390.233)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	107.575.652.297	1.249.518.227	29.237.808.508	138.062.979.032

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	46.962.939.960	90.829.495.680
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	50.223.323.676	43.722.349.648
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	4.927.811.613	1.997.604.554
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	338.576.590	205.906.250
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	68.523.416.669	3.192.395.448
Hyosung Chemical Corporation	25.016.785.200	12.870.054.000
Borouge Pte Ltd.	11.878.812.000	8.274.494.250
PT Asahimas Chemical	8.382.528.000	-
Công ty TNHH Dầu tư Huyền Trang	-	8.021.597.200
Marubeni Corporation	-	24.600.591.540
SCG Chemicals Co., Ltd.	-	17.729.250.000
Các nhà cung cấp khác	19.146.520.548	21.454.721.465
	235.400.714.256	232.898.460.035

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2022: Không).

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	1.707.234.129	16.555.985.810
Công ty TNHH Tam Phước	27.526.297.429	58.203.602.728
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	1.187.908.308	938.132.491
Các khách hàng khác	-	2.744.080
	30.421.439.866	75.700.465.109

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	29.971.130.003	429.784.495.774	(459.755.625.777)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	185.034.644.462	(185.034.644.462)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.762.785.058	76.464.518.139	(87.654.476.481)	8.572.826.716
Thuế thu nhập cá nhân	11.061.867.416	25.675.338.247	(18.162.916.304)	18.574.289.359
Tiền thuê đất	-	6.017.472.100	(6.017.472.100)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	17.832.034.374	(17.832.034.374)	355.436.176
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	61.151.218.653	740.813.503.096	(774.462.169.498)	27.502.552.251

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi vay phải trả	4.899.889.821	1.623.147.748
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	22.647.974.110	68.135.046.662
Chi phí vận chuyển	7.114.559.430	7.611.859.008
Chi phí thuê đất	12.612.990.373	9.443.036.249
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	9.417.320.861	2.678.000.000
Chi phí phải trả khác	4.062.443.582	9.310.883.098
	60.755.178.177	98.801.972.765



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	21.831.187.490	100.756.235.584
Bên khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	31.402.000.000	-
Nhận đặt cọc ngắn hạn	5.954.600.177	6.298.984.177
Kinh phí công đoàn	369.767.440	1.293.995.672
Các khoản phải trả khác	1.367.163.297	981.770.486
	<hr/>	
	60.924.718.404	109.330.985.919
	<hr/>	

Các khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, chịu lãi suất 6%/năm (1/1/2022: 3,7%/năm) và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19.	Vay	Biến động trong năm				Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	31/12/2022
		1/1/2022	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND			
(a)	Vay ngắn hạn							
		1.370.886.898.706	4.403.659.862.197	(4.141.437.378.864)	5.385.387.150	1.638.494.769.189		
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	18.736.603.628	14.052.452.743	(21.404.748.422)	-	11.384.307.949		
		1.389.623.502.334	4.417.712.314.940	(4.162.842.127.286)	5.385.387.150	1.649.879.077.138		

Vay ngắn hạn bao gồm:

- các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 7,0% đến 9,5% (2021: từ 2,9% đến 4,1%); và
- các khoản vay ngân hàng bằng Đô la Mỹ, chịu lãi suất năm 4,9% (2021: 2,0% đến 2,3%).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 948.205 triệu VND (1/1/2022: 959.856 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 19(b). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	11.384.307.949	35.457.201.151
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(11.384.307.949)	(18.736.603.628)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	16.720.597.523
	<hr/>	<hr/>

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 5,9% đến 8,6% (2021: 4,0% đến 5,45%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2023.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 5);
- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 805.253 triệu VND (1/1/2022: 701.869 triệu VND) (Thuyết minh 6); và
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 363.546 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 748.165 triệu VND) (Thuyết minh 11).


 CÔNG TY CỔ PHẦN
 NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
 TỰ LỊCH

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.314.654.826	694.709.063
Trích lập trong năm	14.540.899.706	23.580.023.466
Tạm ứng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Sử dụng trong năm	(40.096.884.250)	(52.960.077.703)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.758.670.282	1.314.654.826

(*) Trong cuộc họp vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 30.000 triệu VND để cho mục đích phục vụ các hoạt động của Công đoàn Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.177.961.830.000	941.847.178.493	282.305.259.385	2.402.114.267.878
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	445.408.997.057	445.408.997.057
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	92.729.753.699	(92.729.753.699)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 23)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 23)	-	-	(176.694.274.500)	(176.694.274.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 20)	-	-	(23.580.023.466)	(23.580.023.466)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 20)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2022	1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	285.914.021.777	2.498.452.783.969
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển (*)	117.791.510.000	(117.791.510.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	455.821.101.048	455.821.101.048
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	106.377.639.851	(106.377.639.851)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 23)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 23)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 20)	-	-	(14.540.899.706)	(14.540.899.706)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 20)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	278.657.399.268	2.597.573.801.311



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định 41/QĐ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành 11.779.151 cổ phiếu phổ thông, tương đương với 117.792 triệu VND (mệnh giá 10.000 đồng trên một cổ phiếu) cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐTN-2022 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông. Ngày 26 tháng 7 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 4831/UBCK-QLCB xác nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	11.779.151	117.791.510.000	-	-
Số dư cuối năm	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2021 bằng tiền trị giá 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) (2021: 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)).

Ngày 3 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2022 trị giá 194.363 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ) (2021: 176.694 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ)).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	43.447.992.500
Trên năm năm	228.021.822.563	238.883.820.688
	282.331.813.188	293.193.811.313

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	42.694	997.322.029	96.398	2.177.137.763

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	-

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	56.610.270.109	21.607.267.431

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022	2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	4.920.260.454.918	4.260.761.768.234
▪ Doanh thu khác	336.258.035.358	217.973.509.147
	<hr/> 5.256.518.490.276	<hr/> 4.478.735.277.381
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(112.081.824.064)	(157.045.561.595)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.837.203.697)	(11.637.016.296)
▪ Giảm giá hàng bán	(7.105.583.571)	(2.677.759.932)
	<hr/> (130.024.611.332)	<hr/> (171.360.337.823)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 5.126.493.878.944	<hr/> <hr/> 4.307.374.939.558

27. Giá vốn hàng bán

	2022	2021
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.650.794.971.066	3.190.091.540.813
▪ Giá vốn khác	345.795.653.101	210.114.956.117
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	265.776.921	(27.666.431)
	<hr/> 3.996.856.401.088	<hr/> 3.400.178.830.499

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	46.663.977.898	36.327.858.792
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.001.660.976	2.283.801.722
Cổ tức và lợi nhuận được chia	164.085.160.019	144.804.631.543
	<hr/> 219.750.798.893	<hr/> 183.416.292.057

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	76.016.547.399	37.809.926.367
Chiết khấu thanh toán	43.924.246.588	28.805.484.055
Lỗi chênh lệch tỷ giá	12.452.289.071	1.371.869.517
Chi phí tài chính khác	-	3.239.411.572
	<hr/>	<hr/>
	132.393.083.058	71.226.691.511
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

30. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	34.278.690.403	31.735.385.439
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	241.387.490.209	166.741.718.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.932.002.231	15.978.738.748
Chi phí vận chuyển	118.510.119.354	77.348.592.718
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	74.355.656.867	38.251.833.220
Chi phí bán hàng khác	60.779.929.630	36.928.373.457
	<hr/>	<hr/>
	548.243.888.694	366.984.642.228
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	63.362.590.857	59.118.615.109
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.531.472.396	21.521.602.429
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.606.748.661)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	45.892.943.470	44.119.923.081
	<hr/>	<hr/>
	138.180.258.062	124.760.140.619
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	3.601.657.287.303	3.101.737.554.461
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	241.387.490.209	166.741.718.646
Chi phí nhân công và nhân viên	356.821.044.994	337.223.285.170
Chi phí khấu hao và phân bổ	149.072.966.500	143.460.768.660
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.606.748.661)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.013.945.400	238.319.030.206
Chi phí khác	68.776.820.886	48.975.846.441

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	76.464.518.139	76.007.720.872

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	532.285.619.187	521.416.717.929
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	106.457.123.837	104.283.343.586
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.824.426.306	685.303.595
Thu nhập không bị tính thuế	(32.817.032.004)	(28.960.926.309)
	76.464.518.139	76.007.720.872

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	138.219.123.109	118.765.506.927
Mua hàng hóa	6.736.379.584	-
Phân phối lợi nhuận	155.390.248.591	139.000.202.043
Mua tài sản cố định hữu hình	-	418.295.740
Thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	928.473.182
Mua dịch vụ	1.104.863.188	853.312.998
Chi phí lãi trả chậm	2.443.317.541	3.239.411.572
Cho vay nguyên vật liệu	138.121.666.800	98.546.079.000
Nhận lại nguyên vật liệu đã cho vay	89.944.128.000	98.546.079.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam		
Bán hàng hóa	134.739.453.360	224.483.847.013
Mua hàng hóa, dịch vụ	248.685.558.501	104.701.830.415
Hàng bán bị trả lại	840.071.168	1.259.471.661
Phí bản quyền (*)	3.400.000.000	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong		
Mua hàng hóa, dịch vụ	36.261.827.079	25.430.381.626
Cổ tức được chia	499.775.000	599.730.000
Doanh thu bán hàng hóa	29.140.000	16.630.000
Thu hồi lại khoản cho vay	15.461.572.866	-
Công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải		
Chiết khấu, bồi khấu	-	12.082.471.544
Hàng bán trả lại	142.162.700	240.987.550
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong		
Bán hàng hóa	36.460.000	30.150.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	73.531.010.180	66.408.240.080
Mua tài sản cố định hữu hình	-	933.335.000
Cho vay	-	3.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	3.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	63.013.066

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam		
Bán hàng hóa	5.723.192.571	3.577.727.273
Mua hàng hóa	556.657.409.286	515.035.349.164
Hàng bán trả lại	15.827.454	12.518.950

(*) Theo các hợp đồng về chuyển giao công nghệ phụ ngày 1 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (công ty liên kết), Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam có quyền và đã chuyển giao công nghệ phụ, được nhận từ Công ty TNHH Hóa chất Sekisui, cho Công ty để Công ty sản xuất, sử dụng và chào bán một số sản phẩm dựa trên các bí quyết công nghệ này. Công ty trả phí bản quyền là 3.400 triệu VND một năm cho Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2022	2021
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	4.322.710.128	3.352.341.875
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	904.000.000	884.500.000
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên	271.000.000	177.000.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	919.080.000	918.630.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	4.218.706.499	3.387.176.659
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.329.506.168	2.698.561.261
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	7.124.544.540	5.192.609.115



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Bù trừ khoản phải thu về cho vay và khoản phải trả	15.461.572.866	-

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng giám đốc Tài chính



Chữ Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023